

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày: 06-4-2022

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo và bà Mai Thị Ngọc Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Phan Triệu V; Tên gọi khác: Bin; Sinh ngày 19/9/1994 tại Phú Yên; ĐKKHTT: 15/2 T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Phan Văn H, sinh năm: 1970 và bà Võ Lý Quan H, sinh năm: 1971; vợ là Huỳnh Thị M, sinh năm: 2000 và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/8/2009, bị Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 27/02/2011; Ngày 28/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản quy định tại khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999, chấp hành xong ngày 01/11/2015; Ngày 18/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; Ngày 18/6/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Sông Cái. Có mặt.

2. Hoàng Văn Kỳ N; Tên gọi khác: N ráp; Sinh ngày 09/8/1979 tại Khánh Hòa; ĐKKHTT: 06A Chung cư B, phường V, thành phố N, Khánh Hòa;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Hoàng T, sinh năm: 1952 và bà Lý Thị C, sinh năm: 1950; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 06/9/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Chấp hành xong ngày 12/9/2018. Nhân thân: Ngày 26/3/1997, bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong ngày 21/11/1997; Ngày 12/3/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 12 năm tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong ngày 04/01/2010.

Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam A2. Có mặt.

3. Nguyễn Tuấn A; Tên gọi khác: Lít; Sinh ngày 11/8/1990 tại tỉnh Khánh Hòa; ĐHKHTT: tổ 1, V, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Trần Hữu C, sinh năm: 1961 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1968; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 11/9/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS 1999. Chấp hành xong ngày 27/04/2019; Nhân thân: Ngày 28/7/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS 1999. Chấp hành xong ngày 30/8/2010.

Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2020. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn A: Bà Trần Thị Như T – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1989; Địa chỉ: 11/70 L, phường B, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị ThA T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: khu phố N1, phường C, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Ông Trần Văn T, sinh năm: 1965; Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1967; Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên. Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 26/6/2020, đối tượng tên thường gọi Khánh ghê (không rõ lai lịch) điều khiển xe ô tô (không rõ biển số) chở Nguyễn Tuấn A, Phan Triệu V và Hoàng Văn Kỳ N đến TP T trộm cắp tài sản. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi cả nhóm đang uống nước tại quán nước mía đối diện Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên thì N lấy đoạn phá khóa cho mọi người xem. Lúc này, Khánh rủ cả nhóm trộm cắp xe mô tô thì cả nhóm đồng ý, N đưa đoạn phá khóa cho V. Sau đó, Khánh điều khiển xe ô tô chở cả nhóm đi trên đường N theo hướng Tây – Đông, khi đi qua Tòa nhà Viettel thuộc Phường 9, TP T thì V phát hiện khu vực sân phía Đông của tòa nhà dựng nhiều xe mô tô, không có người trông coi nên nói Khánh dừng xe lại. V xuống xe đi vào bên trong, còn N và Tuấn A đi sau cảnh giới. V dùng đoạn phá ổ khóa xe mô tô biển số 78C1 – 280.XX của A Phạm Văn T làm hư hỏng ổ khóa nhưng không mở khóa được. Tuấn A và N nói phía bên trong còn nhiều xe nên V tiếp tục đi vào bên trong phá ổ khóa xe mô tô biển số 78C1 – 271.XX của chị Nguyễn Thị ThA T làm hư hỏng ổ khóa nhưng vẫn không mở khóa được, V tiếp tục phá ổ khóa xe mô tô biển số 78E1 – 009.XX của A Nguyễn Văn G thì mở được khóa xe. Sau khi mở được khóa xe, V điều khiển xe mô tô lấy trộm được chở Tuấn A đi theo đường Hùng Vương đến đoạn giao đường Hùng Vương – Quốc lộ 1A thuộc xã A, TP T thì giao xe lại cho Tuấn A điều khiển xe chạy về tỉnh Khánh Hòa, còn V đứng đợi Khánh và N đến chở về. Tuấn A điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi được một đoạn thì mở cốp xe ra thấy bên trong có 15.000 đồng nên lấy số tiền trên bỏ vào túi quần rồi tiếp tục đi, đến đoạn gần ngã tư Quốc lộ 25 – Quốc lộ 1A, xe bị hỏng nên đưa xe đến tiệm sửa xe của ông Trần Văn T ở xã H, huyện P để sửa xe thì bị Công an TP T phát hiện bắt giữ. Còn V được Khánh và N chở về tỉnh Khánh Hòa.

Tại Bản kết luận định giá tài sản vào các ngày 30/6/2020, 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Tuy Hòa, kết luận: Xe mô tô biển số 78E1 – 009.XX trị giá 21.105.000 đồng; xe mô tô biển số 78C1- 280.XX trị giá 22.450.000 đồng; xe mô tô biển số 78C1 – 271.XX trị giá 52.000.000 đồng.

* Vật chứng vụ án và tài sản tạm giữ:

- Đã trả lại chủ sở hữu: Xe mô tô biển số 78E1–009.XX và số tiền 15.000 đồng;
- Đang tạm giữ chờ xử lý: Số tiền 2.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu xám.

* Về dân sự: A Phạm Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 1.550.000 đồng, chị Nguyễn Thị ThA T yêu cầu bồi thường số tiền 2.220.000 đồng. Còn A Nguyễn Văn G đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì.

Tại Bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 19/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* *Tại phiên tòa:* Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo A đề nghị xem xét lại tội phạm của bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn A thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo A. Tuy nhiên về phần tội phạm, đề nghị HĐXX xem xét tuyên xử bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, chứ không phải theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố vì các bị cáo chưa chiếm đoạt được 02 chiếc xe còn lại. Về hình phạt, đề nghị xét xử bị cáo A mức hình phạt thấp hơn 02 bị cáo khác vì bị cáo A tham gia với vai trò hạn chế hơn và có 02 tình tiết giảm nhẹ.

- Các bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó bị hại A Phạm Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 1.550.000 đồng và chị Nguyễn Thị ThA T yêu cầu bồi thường số tiền 2.220.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa luận tội giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo A; điểm s khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N, A; Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V, N; xử phạt các bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo A tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam. Tổng hợp hình phạt của bị cáo V với Bản án số 133/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và tổng hợp hình phạt của bị cáo N với Bản án số 17/2022/HSST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo N, V phải liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền còn lại, mỗi bị cáo bồi thường 635.000 đồng. Về xử lý vật chứng: trả lại cho bị cáo A 01 điện thoại hiệu Iphone 6 Plus, màu xám. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 26/6/2020, tại khu vực phường C, thành phố T, Phan Triệu V, Nguyễn Tuấn A, Hoàng Văn Kỳ N và đối tượng tên “Khánh ghê” đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của A Nguyễn Văn G, A Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị ThA T, tổng trị giá 95.570.000 đồng; đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc bị cáo A và Luật sư bào chữa cho bị cáo A cho rằng hành vi của các bị cáo chỉ bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự vì chưa chiếm đoạt được 02 chiếc xe còn lại là không có căn cứ. Trong trường hợp này, mặc dù các bị cáo chưa chiếm đoạt được 02 chiếc xe còn lại nhưng các bị cáo có ý định chiếm đoạt 02 chiếc xe này và thực tế đã có hành vi phá khóa để lấy xe đi nhưng không phá được là nằm ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo nên các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với việc có ý định chiếm đoạt 02 chiếc xe này theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Việc các bị cáo đã chiếm đoạt được hay chưa không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội trộm cắp tài sản, chỉ cần các bị cáo có ý định chiếm đoạt thì vẫn bị coi là phạm tội, nhưng trong trường hợp này là phạm tội chưa đạt. HĐXX sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt cho các bị cáo trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, trong đó: bị cáo Nguyễn Tuấn A, Hoàng Văn Kỳ N đã bị kết án chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo A lúc đầu khai quanh co, che giấu làm kéo dài thời hạn điều tra, nhưng sau đó đã khai báo lại đầy đủ nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo A đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, vai trò tham gia của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, việc phân công, tổ chức không rõ ràng mà là ngầm tiếp nhận ý chí của nhau; trong đó đối tượng Khánh (chưa xác định được lai lịch) là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác; bị cáo V là người thực hành tích cực, trực tiếp phá khóa, lấy trộm xe; bị cáo N là người chuẩn bị công cụ phạm tội và là người canh giới, giúp sức; bị cáo A là người canh giới, giúp sức, sau đó tiếp nhận xe, điều khiển đi. Tính chất tham gia và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo V là cao hơn các bị cáo khác, nên mức hình phạt sẽ cao hơn 02 bị cáo còn lại. Bị cáo N và A tính chất

tham gia và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là tương đương nhau, đáng lẽ mức hình phạt tương đương nhau nhưng khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: bị cáo N có 01 tình tiết tăng nặng, 01 tình tiết giảm nhẹ; bị cáo A có 01 tình tiết tăng nặng, 02 tình tiết giảm nhẹ; nên mức hình phạt của bị cáo A thấp hơn so với mức hình phạt của bị cáo V, N.

[6] Các bị cáo phạm tội đối với 02 chiếc xe chưa chiếm đoạt được là thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên HĐXX áp dụng Điều 57 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt của các bị cáo, thì mức hình phạt không quá $\frac{3}{4}$ mức phạt tù mà điều luật quy định.

[7] Bị cáo Phan Triệu V đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án số 133/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và bị cáo Hoàng Văn Kỳ N đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án số 17/2022/HSST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa thì bị xét xử về hành vi phạm tội trước khi các bản án này có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

[8] Đối với đối tượng “Khánh ghê”, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên đã ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra làm rõ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại A Phạm Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 1.550.000 đồng, chị Nguyễn Thị ThA T yêu cầu bồi thường số tiền 2.220.000 đồng thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là có căn cứ nên chấp nhận, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền như yêu cầu. Tuy nhiên, bị cáo A đã tự nguyện bồi thường trước số tiền 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo A thống nhất dùng số tiền này $\frac{1}{2}$ bồi thường cho A T, $\frac{1}{2}$ bồi thường cho chị T và không yêu cầu các bị cáo khác phải hoàn trả nên ghi nhận; các bị hại được nhận số tiền này. Số tiền còn lại bị cáo V, N phải bồi thường cho A T là 300.000 đồng (mỗi bị cáo $\frac{1}{2}$ là 150.000 đồng); Số tiền còn lại bị cáo V, N phải bồi thường cho chị T là 750.000 đồng (mỗi bị cáo $\frac{1}{2}$ là 485.000 đồng);

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu xám thu giữ của bị cáo A, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo A.

[11] Về án phí: Các bị cáo Phan Triệu V, Hoàng Văn Kỳ N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo Nguyễn Tuấn A thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Phan Triệu V, Hoàng Văn Kỳ N và Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Triệu V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 133/2021/HS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Buộc bị cáo Phan Triệu V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt chung tính từ ngày 29/10/2020 (nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/3/2020 đến ngày 19/3/2020).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Kỳ N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 17/2022/HSST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Buộc bị cáo Hoàng Văn Kỳ N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt chung tính từ ngày 16/9/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 26/6/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Các bị cáo Phan Triệu V, Hoàng Văn Kỳ N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho A Phạm Văn T số tiền 300.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 150.000 đồng) và bồi thường cho chị Nguyễn Thị ThA T số tiền 970.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường 485.000 đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bị hại A Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị ThA Tu mỗi người được nhận số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo Nguyễn Tuấn A đã bồi thường trước tại Biên lai thu tiền số 0002205 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn A 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu xám (có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa).

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Phan Triệu V và Hoàng Văn Kỳ N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- Công an thành phố Tuy Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Ngọc Tuyết

Nguyễn Thị Thu Thảo

Trần Lê Mai